

Bản án số: 1134/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 29-11-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

2. Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2018/TLPT- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 1120/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận MH, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5321/2018/QĐPT - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn P, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 59/22/27 đường TX22, tổ 16, khu phố 6, phường TX, Quận MH, Thành phố H

. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số 59/22/27 đường TX22, tổ 16, khu phố 6, phường TX, Quận MH, Thành phố H

. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi S, sinh năm 1942

Địa chỉ: số 59/22/27 đường TX22, tổ 16, khu phố 6 phường TX, Quận MH, Thành phố H

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Trần Th, sinh năm 1944

Địa chỉ: số 59/22/27 đường TX22, tổ 16, khu phố 6, phường TX, Quận MH, Thành phố H

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Em Bùi Đoàn P, sinh năm 2006

Địa chỉ: số 59/22/27 đường TX22, tổ 16, khu phố 6, phường TX, Quận MH, Thành phố H

Do ông Bùi T và bà Đoàn P làm đại diện. (có mặt)

4. Công ty TNHH MTV ĐDP

Địa chỉ: số 54 đường 47 (đường Quốc Hương nối dài), phường TĐ, Quận H, Thành phố H.

Do ông Bùi T làm đại diện. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2016 và trong quá trình tố tụng, bà Đoàn P - nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Bùi T kết hôn ngày 22.6.2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải được nên cả 02 đã sống ly thân từ tháng 6.2015 đến nay; bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Thái có 01 con chung tên Bùi Đoàn P, sinh ngày 06.10.2006, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tài sản chung: Bà P yêu cầu chia đôi các tài sản chung, cụ thể:

- Nhà, đất tọa lạc tại số 45/3/8 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H;

- Nhà, đất tọa lạc tại số 59/22/27 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H;

- Căn hộ A1.11.04 Chung cư 4S LĐ, Quận TĐ, Thành phố H;

- 01 xe ô tô (Ford) biển số 51A-249.18;

- 01 xe 02 bánh Hayate biển số 54T2-8566; 01 xe 02 bánh hiện do Công ty TNHH MTV ĐDP đứng tên; 04 máy tính và một số tài sản khác trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P yêu cầu chia đôi 03 căn nhà, đất như đã nêu trên, các tài sản khác không yêu cầu.

Nợ chung: không có.

Ông Bùi T – bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về việc kết hôn và quá trình chung sống đồng thời xác nhận cả 02 đã không còn tình cảm và sống ly thân từ tháng 05.2015 đến nay. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P vì mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo ông T, vợ chồng chỉ có 02 tài sản chung là căn nhà số 45/3/8 và căn nhà số 59/22/27 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H; trong đó căn nhà số 59/22/27 là tài sản do ông tạo lập trước hôn nhân nhưng sáu đó ông đồng ý để bà P cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận nên ông đề nghị khi chia tài sản Tòa xem xét công sức đóng góp của ông vào tài sản này nhiều hơn so với bà P.

Về căn hộ chung cư và 01 xe ô tô con là tài sản của Công ty TNHH MTV ĐDP, không phải là tài sản chung vợ chồng nên ông không đồng ý chia.

Ngoài ra, ông T còn cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, bố mẹ bà Phượng có cho vợ chồng căn tọa lạc tại số 117/11 đường NH, Phường N, thành phố TH, tỉnh PY; tuy nhiên, ông không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Công ty TNHH MTV ĐDP - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (do ông Bùi T làm đại diện) trình bày: Theo Luật Doanh nghiệp và trên thực tế, căn hộ A1.11.04 Chung cư 4S LĐ, quận TĐ, Thành phố H và 01 xe ô tô con (Ford) biển số 51A-249.18 là tài sản của Công ty, không phải là tài sản của ông T và bà P nên Công ty không đồng ý chia theo yêu cầu của bà P.

Ông Bùi S và bà Trần Th (là cha, mẹ ruột ông Thái) - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hiện ông S và bà Th đang sống cùng với ông T tại căn hộ A1.11.04 Chung cư 4S LĐ; ông Svà bà Th không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất giá trị tài sản tranh chấp, không yêu cầu định giá lại, cụ thể:

- Tổng giá trị căn nhà số 45/3/8 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H là 1.695.175.551 (một tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi một) đồng.

- Tổng giá trị căn nhà số 59/22/27 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H là 811.871.505 (tám trăm mười một triệu tám trăm bảy một ngàn năm trăm lẻ năm) đồng.

- Tổng giá trị căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H là 1.580.839.000 (một tỷ năm trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi chín ngàn) đồng.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 1120/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận MH đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 39 và Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62 và Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhân thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn P và ông Bùi T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 02, ngày 22.6.2005 của Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố TH, tỉnh PY không còn giá trị.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi T và bà Đoàn P: Giao con chung Bùi Đoàn P, sinh ngày 06.10.2006 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Các bên có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền và lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

- Bà Đoàn P được Quyền sở hữu và Quyền sử dụng căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 59/22/27 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số H00641/13 của Ủy ban nhân dân Quận MH cấp ngày 14.12.2005, cập nhật đăng ký thay đổi chủ sử dụng ngày 15.02.2006).

- Bà Bùi T được Quyền sở hữu và Quyền sử dụng căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 45/3/8 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số CH 01182 của Ủy ban nhân dân Quận MH cấp ngày 21.9.2010).

- Ông Bùi T phải giao lại cho bà Đoàn P số tiền chênh lệch tài sản là 441.652.023 (bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn không trăm hai mươi ba) đồng.

Bà Đoàn P và ông Bùi T có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở.

Việc thi hành các nội dung của phần các quyết định nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn P về việc chia tài sản là căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đoàn P về việc đề nghị chia các tài sản, gồm: 01 xe ô tô con (Ford) biển số 51A-249.18; 01 xe tay ga hiệu Hayate biển số 54T2-8566, 01 xe tay ga mang tên Công ty TNHH MTV ĐDP; 04 máy tính và một số tài sản khác trị giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24.9.2018 bà Đoàn P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu được chia căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Đoàn P vẫn giữ nguyên kháng cáo với lý do số tiền vốn điều lệ 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng đã nộp vào khi thành lập Công ty

TNHH MTV ĐDP là tài sản chung của vợ chồng và trong quá trình hoạt động ông Thái đã dùng lợi nhuận của Công ty để mua căn hộ chung cư nói trên.

- Ông Bùi T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do căn hộ chung cư là tài sản của Công ty TNHH MTV ĐDP, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH MTV ĐDP (do ông Bùi T làm đại diện) không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do Công ty ĐDP đứng tên ký hợp đồng mua căn hộ, số tiền vốn điều lệ 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng Công ty chỉ lập phiếu thu, thực tế ông và bà P không nộp tiền vào tài khoản của Công ty như bà P trình bày; mặt khác, không có cơ sở xác định tiền mua căn hộ chung cư là lợi nhuận có được từ hoạt động kinh doanh của Công ty ĐDP nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đoàn P còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Qua lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, nhận thấy: Hợp đồng mua bán căn hộ thể hiện việc ký kết giữa Công ty TNHH Xây dựng Thành TL và Công ty TNHH MTV ĐDP đồng thời căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H đứng tên chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV ĐDP. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P xác định không có văn bản thỏa thuận về việc đưa tài sản chung của vợ chồng vào việc kinh doanh nhưng ở phiên tòa phúc thẩm bà P cho rằng có thỏa thuận miệng nhưng không được ông T thừa nhận; phía ông T trình bày khi thành lập Công ty TNHH MTV ĐDP, ông vừa là Giám đốc vừa là thủ quỹ của Công ty nên ông khẳng định số tiền 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng Công ty chỉ lập phiếu thu, thực tế không có nộp tiền và tại thời điểm năm 2011 vợ chồng ông cũng không có được số tiền

đó, nếu bà P yêu cầu chia căn hộ thì cần làm rõ vấn đề công nợ, các khoản phải trả, thương hiệu Công ty...chứ không phải chỉ chia mỗi căn nhà.

Do cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ nguồn tiền 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng và hoạt động của Công ty như thế nào, số tiền mua căn hộ chung cư Công ty đang đứng tên có phải là lợi nhuận ông T được hưởng từ hoạt động của Công ty trong thời kỳ hôn nhân hay không nhưng đã bác yêu cầu của nguyên đơn là thiếu cơ sở vững chắc nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn P, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu chia căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí đối với yêu cầu chia căn hộ chung cư sẽ được xem xét, giải quyết lại ở cấp sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đoàn P phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 02, ngày 22.6.2005 của Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Tuy Hòa, tỉnh PY thì hôn nhân giữa ông Bùi T và bà Đoàn P là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ thỏa thuận giữa các bên, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T với bà P; giao con chung Bùi Đoàn P, sinh ngày 06.10.2006 cho bà Phượng trực tiếp nuôi dưỡng, ông Thái cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng đồng thời chia phần tài sản chung là căn nhà số 45/3/8 và căn nhà số 59/22/27 đường TX22, phường TX, Quận MH, Thành phố H. Phần này các đương sự không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Đoàn P yêu cầu được chia căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Bùi T đứng tên thành lập Công ty TNHH MTV ĐDP và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 12.01.2011 với vốn điều lệ là 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng, số tiền này được Công ty TNHH

MTV ĐDP lập phiếu thu ngày 01.5.2011; trong quá trình hoạt động ngày 29.11.2013, Công ty TNHH MTV ĐDP ký hợp đồng số A-294/TTL-HĐMB-A.XD/2013 mua căn hộ, đến ngày 28.6.2016 Công ty TNHH Xây dựng Thành TL ký biên bản bàn giao nhà. Căn cứ biên bản bàn giao nhà và các tài liệu, chứng cứ có liên quan thể hiện căn hộ A1.11.04 có được trong thời điểm hôn nhân giữa ông T và bà P đang tồn tại, phía bà P cho rằng ông T đã dùng lợi nhuận của Công ty để mua căn hộ chung cư nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ số tiền 990.000.000 (chín trăm chín mươi triệu) đồng vốn điều lệ cũng chưa xác định được tiền mua căn hộ chung cư A1.11.04 có phải từ lợi nhuận trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH MTV ĐDP như bà Phụng đã trình bày hay không, nếu đúng là dùng lợi nhuận của Công ty để mua thì trong đó phần ông Thái được hưởng là bao nhiêu, từ đó mới xác định được phần tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với căn hộ chung cư để xem xét yêu cầu của bà P; tuy nhiên, các vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được tại phiên tòa. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Phụng về việc chia căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư Linh Đông (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố H, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại diện của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Về án phí:

- Đối với án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia.

Riêng phần án phí đối với yêu cầu chia căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LĐ (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LĐ, quận TĐ và số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0024358 ngày 17.5.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận MH sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Đối với án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên bà Phụng không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 1120/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận MH đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Đoàn P là căn hộ A1.11.04 (tầng 11), block A, khu căn hộ chung cư LD (chung cư 4S Riverside), đường số 30, phường LD, quận TĐ, Thành phố H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận MH giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đối với phần Bản án bị hủy.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Đoàn P phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 49.605.706 (bốn mươi chín triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia. Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm bà P phải chịu là 49.805.706 (bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng, được tính trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AE/2011/04859 ngày 27.01.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận MH. Bà P còn phải nộp tiếp 34.605.706 (ba mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng.

+ Ông Bùi T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ và 49.605.706 (bốn mươi chín triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia. Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm ông T phải chịu là 49.805.706 (bốn mươi chín triệu tám trăm lẻ năm ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Đoàn P không phải chịu. Hoàn cho bà Phượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0002751 ngày 24.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận MH, Thành phố H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- TAND cấp cao, VKSND cấp cao;
- VKSND TP.H;
- TAND Q.MH;
- THADS Q.MH;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Lưu VT, lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

